TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-08-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên toà: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 8 năm 202 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N,** sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện LN, Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Giáp Văn C**, sinh năm 1993. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện LN, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/04/2021, bản tự khai của của nguyên đơn chị Trần Thị N, bị đơn anh Giáp Văn C thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Giáp Văn C kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2016, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N anh C không hợp nhau, chưa tìm hiểu nhau kỹ dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi nhau nên không hàn gắn được tình cảm. Chị N còn cho rằng anh C thường xuyên chơi bời không tu làm ăn, chị và và anh C ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, trong khi ly thân hai bên cũng không hàn gắn được tình cảm, anh C vẫn chứng nào tật ấy dẫn đến anh C vi phạm pháp luật còn phải đi cải tạo trong trại giam. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh C. Anh C nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị N anh C chưa có con chung.

Về tài sản chung, C nợ chung: Chị N anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Giáp Văn C. Anh C vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử C bố lời khai của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56; Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N: Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Giáp Văn C.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Giáp Văn C có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn B, xã N, huyện LN, Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, anh Giáp Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Giáp Văn C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Giáp Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 03 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài nhưng không có khả năng đoàn tụ. Chị N xin ly hôn anh C đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh C, không muốn về đoàn tụ vợ chồng cùng anh C. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N anh C có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị N anh C không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, C nợ chung: Chị N anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, C nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Giáp Văn C

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010284 ngày 28/04/2021. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết C khai.

Án xử C khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã N, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Số 15 quyển 1/2016 ngày 23/03/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường